

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T; sinh năm 1987; địa chỉ: Đội 4, thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Như T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Hẻm 645/17 Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh T có mặt, chị T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2019 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Như T1 tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-7-2014. Trong quá trình chung sống, chị T1 có những lời lẽ không tôn trọng anh và gia đình bên chồng, chửi bới thô tục, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, có lần chị T1 còn đuổi anh ra khỏi nhà, cầm dao đòi chém anh. Từ tháng 7-2016 đến nay anh và chị T1 sống ly thân nhưng chị T1 vẫn

nhấn tin xúc phạm anh. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Như T1.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Như T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02-01-2015 (hiện đang ở với anh). Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Trúc P, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn chị Nguyễn Thị Như T1 nhưng chị T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó chị T1 không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Như T1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02-01-2015 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Như T1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm anh Nguyễn Thanh T khởi kiện thì chị Nguyễn Thị Như T1 đang cư trú tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Nguyễn Thị Như T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành

xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Như T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Như T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-7-2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Như T1 là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T thì trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Như T1 không tôn trọng chồng và gia đình bên chồng, có lần chị T1 còn đuổi anh ra khỏi nhà, cầm dao đòi chém anh,... Từ tháng 7-2016 đến nay anh và chị T1 sống ly thân nhưng chị T1 vẫn nhắn tin xúc phạm anh. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Như T1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị Nguyễn Thị Như T1 nhận nhưng chị T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tòa án cũng đã triệu tập chị T1 đến Tòa án để làm việc, tham gia hòa giải nhưng chị T1 không chấp hành. Tòa án cũng đã triệu tập chị T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên anh Nguyễn Thanh T bỏ qua mâu thuẫn, đoàn tụ với chị T1, nhưng anh T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị T1 nhưng theo xác nhận của chính quyền địa phương thì anh T, chị T1 không báo cáo với chính quyền địa phương để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị T1. Tuy nhiên, căn cứ ý kiến trình bày của anh Nguyễn Thanh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Như T1 có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau nên từ tháng 7-2016 anh T và chị T1 đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh T không muốn tiếp tục kéo dài đời sống chung của vợ chồng nên khởi kiện xin ly hôn. Chị T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T. Việc anh T và chị T1 không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị Như T1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Như T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02-01-2015 (hiện đang sống cùng với anh T). Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Trúc P cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của anh Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của anh Nguyễn Thanh T thì từ tháng 6-2017 đến nay anh là người trực tiếp nuôi con, chị Nguyễn Thị Như T1 không thăm nom con và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, chị T1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo các quyền lợi khác cho cháu Nguyễn Trúc P, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T, giao cháu Nguyễn Trúc P cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Như T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thanh T trình bày không có, chị Nguyễn Thị Như T1 không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Như T1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Như T1 có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 02-01-2015 (hiện đang ở với anh T). Giao cháu Nguyễn Trúc P cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Như T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thanh T trình bày không có, chị Nguyễn Thị Như T1 không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001177 ngày 24-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Nguyễn Thị Như T1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã N, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong